

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 322, khoản 1 Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 144, khoản 1 Điều 149 Luật Nhà ở; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 368/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C;

Địa chỉ: số A T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Như D, chức danh: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh B2; (Văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3, ngày 25/6/2024 của người đại diện theo pháp luật Ngân hàng Thương mại cổ phần C);

Người nhận ủy quyền lại: ông Trần Anh T và bà Nguyễn Thị Thanh B1, chức danh: đều là Phó Giám đốc Chi nhánh B2 – Ngân hàng Thương mại cổ phần C; ông Vũ Văn T1, là Trưởng phòng Phòng G – Chi nhánh B2; bà Nguyễn Thị Lan H, là Trưởng phòng Tổng hợp – Chi nhánh B2; ông Nguyễn Tiến Q, là Cán bộ thu hồi

nợ – Chi nhánh B2; (Văn bản ủy quyền lại số 611/UQ-CNBD-PTH ngày 10/10/2024).

* Bị đơn: anh Nguyễn Duy H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ A, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả: anh Nguyễn Duy H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền (tạm tính đến hết ngày 19/01/2025) là: 1.555.846.960 (một tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, chín trăm sáu mươi) đồng; bao gồm nợ gốc là 1.422.850.301 (một tỷ, bốn trăm hai mươi hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn, ba trăm linh một) đồng, lãi trong hạn là 132.128.009 (một trăm ba mươi hai triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, không trăm linh chín) đồng, lãi quá hạn là 868.650 (tám trăm sáu mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/01/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số: 79/2020/HĐCV/NHCT124-PGDĐC-HUNG, ngày 24/7/2020, Giấy nhận nợ 556001106411 ngày 24/7/2020, ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh B2 và anh Nguyễn Duy H1.

2.2 Về thời hạn trả nợ:

Ngày 28/02/2025, anh H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng được trừ vào dư nợ gốc;

Ngày 31/3/2025, anh H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, được trừ vào dư nợ gốc;

Ngày 30/4/2025, anh H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C toàn bộ số tiền gốc, lãi còn nợ lại và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/01/2025.

Trong trường hợp anh H1 vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào nêu trên, thì bị coi là vi phạm toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 20/01/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Duy H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số: 79/2020/HĐCV/NHCT124-PGDĐC-HUNG, ngày 24/7/2020, Giấy nhận nợ 556001106411 ngày 24/7/2020, ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C – Chi nhánh B2 và anh Nguyễn Duy H1.

2.4 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Nguyễn Duy H1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C theo Quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.5 Trường hợp anh Nguyễn Duy H1 thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C có quyền yêu cầu Cơ

quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là **quyền sở hữu** căn hộ chung cư số 2110, tên nhà chung cư: CT1B; địa chỉ: khu H, số F T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 266870, số vào sổ cấp GCN: CS 24040, do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H cấp ngày 19/6/2020; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: anh Nguyễn Duy H1) để thu hồi nợ.

2.6 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần C thì anh Nguyễn Duy H1 có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

2.7 Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ): do bị đơn anh Nguyễn Duy H1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nên anh H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền là 13.000.000 (mười ba triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.8 Về xử lý tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn anh Nguyễn Duy H1 tự nguyện chịu 29.337.704 (hai mươi chín triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm linh bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C số tiền 29.285.000 (hai mươi chín triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001398 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Viện kiểm sát nhân dân tp Hạ Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- Chi cục THADS tp Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An

